

Bản án số: 16 /2024/DS-ST

Ngày: 10 / 05 /2024

Về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển;

2. Bà Quang Kim Cúc

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thái Vân An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung tham gia phiên toà:
Bà Phan Bích Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 05 năm 2024 tại Phòng xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2024/TLST-DS, ngày 11/01/2024, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34 /2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 215/2024/QĐST-DS, ngày 19/04/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T1; *Địa chỉ:* Lầu H, 9, 10 Tòa nhà G, Số B, P, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Hữu N - Chức vụ: Tổng Giám đốc;
Người đại diện theo ủy quyền: Phạm Gia H - Chức vụ: Trưởng phòng thu hồi nợ gián tiếp. Theo Giấy ủy quyền số 210801-LCO, ngày 01/01/2021; *Địa chỉ:* Lầu H, 9, 10 Tòa nhà G, Số B, P, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Gia H ủy quyền cho Đảng Thanh P - Chức vụ: Chuyên viên pháp lý tố tụng. Theo Giấy ủy quyền số 231005-4-CCO, ngày 01/01/2021; *Địa chỉ:* Lầu H, 9, 10 Tòa nhà G, Số B, P, Phường F, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Nguyễn Ngọc T - *Sinh năm:* 1999 (vắng mặt); *Địa chỉ:* 3 ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và người đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 là Đảng Thanh P có văn bản trình bày ý kiến:

Theo Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số 2W015044633, ngày 06/10/2019 giữa Công ty T1 cho Nguyễn Ngọc T vay vốn 28.750.000 đồng, mục đích vay để mua xe máy, trả góp hàng tháng là 1.814.202 đồng vào ngày 05 tây hàng tháng, trả liên tục 24 tháng, bắt đầu từ ngày 05/11/2019 đến 05/10/2021. Từ khi vay Nguyễn Ngọc T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào, Nguyễn Ngọc T đã không thực hiện đúng các nghĩa vụ trả nợ đã ký kết.

Công ty T1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung giải quyết buộc Nguyễn Ngọc T trả cho Công ty T1, tổng số tiền 34.895.741 đồng (Nợ gốc 28.750.000 đồng, tiền lãi 4.600.036 đồng, lãi quá hạn 1.545.705 đồng).

Công ty T1 không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết Hợp đồng thế chấp số 2W015044633, ngày 06/10/2019, không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe máy Hoanda Vario, số máy 1703745, số khung 701059.

* Bị đơn Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án mà vẫn vắng mặt.

Theo xác nhận của công an xã T ngày 02/04/2024, Nguyễn Ngọc T có mặt tại địa phương nhưng không thường xuyên.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung phát biểu quan điểm:

- Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Tòa án xử lý đơn khởi kiện chưa đúng quy định và bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về phần nội dung: Về đường lối giải quyết vụ án, Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp thực tế, đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty T1 có đơn khởi kiện Nguyễn Ngọc T trả nợ vay đây là vụ án “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đương sự có nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Đồng Tháp, cho nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn Nguyễn Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định, vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu của Công ty T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Nguyễn Ngọc T trả cho Công ty T1, tổng số tiền 34.895.741 đồng (Nợ gốc 28.750.000 đồng, tiền lãi 4.600.036 đồng, lãi quá hạn 1.545.705 đồng).

Chứng cứ chứng minh là Đề nghị cấp tín dụng kèm Hợp đồng tín dụng số 2W015044633, ngày 06/10/2019 giữa Công ty T1 với Nguyễn Ngọc T và Hợp đồng thế chấp số 2W015044633, ngày 06/10/2019, Nguyễn Ngọc T ký tên, ghi rõ họ tên trong hợp đồng, kèm theo là bản photo Chứng minh nhân dân, Giấy phép lái xe của Nguyễn Ngọc T.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, thu thập chứng cứ, Tòa án đã triệu tập Nguyễn Ngọc Trường hợp 1 và Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nhưng Nguyễn Ngọc T vắng mặt không có lý do, cũng như không có văn bản phản bác gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và theo lời khai của đương sự xác định Nguyễn Ngọc T có vay tiền của Công ty T1 và còn nợ Công ty T1, tổng số tiền 34.895.741 đồng (Nợ gốc 28.750.000 đồng, tiền lãi 4.600.036 đồng, lãi quá hạn 1.545.705 đồng). Công ty T1 yêu cầu Nguyễn Ngọc T trả nợ là đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, là phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự:

Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...”

Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định:

1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 2W015044633, ngày 06/10/2019, Công ty T1, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tiền tạm ứng án phí, án phí:

Do yêu cầu của Công ty T1 được Tòa án chấp nhận, nên Nguyễn Ngọc T phải nộp án phí đối với yêu cầu của Công ty T1 được chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét thấy ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T1.

2. Buộc Nguyễn Ngọc T có nghĩa vụ trả cho Công ty T1 số tiền nợ vốn gốc là 28.750.000 đồng, tiền lãi là 6.145.741 đồng, tổng cộng là 34.895.741 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà người phải thi hành án chưa thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tiền tạm ứng án phí, án phí:

Nguyễn Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.744.787 đồng (Một triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng).

Công ty T1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty T1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 873.000 đồng theo biên lai số 0001373 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/05/2024). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bích Huyền